

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Công nghệ phần mềm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Trường Thắng

2. Ngày tháng năm sinh: 27/12/1974; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Đặng Cương, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Lô 55 – Khu tập thể Công ty 18/4 – Ngõ 76 phố Duy Tân phường Dịch Vọng Hậu – Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 220 – Nhà A3 – Viện Công nghệ thông tin Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0927009172;

E-mail: ntthang@ioit.ac.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1997 đến năm 2007: Nghiên cứu viên tại Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ năm 2007 đến năm 2012: Giám đốc Trung tâm Công nghệ và Giải pháp phần mềm tại Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ năm 2013 đến năm 2015: Phó Viện trưởng tại Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ năm 2013 đến năm 2020: Trưởng phòng Công nghệ và Giải pháp phần mềm tại Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ năm 2015 đến năm 2020: Viện trưởng tại Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ năm 2017 đến năm 2020: Trưởng khoa CNTT - VT tại Học viện Khoa học và Công nghệ

Chức vụ: Hiện nay: Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437564405

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường đại học Công nghệ thông tin – Truyền thông, Đại học Thái Nguyên. Đại học Công nghiệp Hà Nội. Đại học Điện lực Hà Nội. Học viện An ninh nhân dân

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 02 tháng 05 năm 1997, ngành: Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học New South Wales, Úc

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 09 năm 2002, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ phần mềm

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản – JAIST, Japan

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 09 năm 2005, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ phần mềm

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản – JAIST, Japan

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Công nghệ phần mềm, Các phương pháp hình thức
- Khoa học máy tính
- SMAC (Dữ liệu lớn, điện toán đám mây) và An ninh mạng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 14 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 72 bài báo KH, trong đó 4 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 1 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Huy chương Tuổi trẻ sáng tạo	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh & Bộ KHCN	1999
2	Huy chương Tuổi trẻ sáng tạo	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh & Bộ KHCN	2000
3	Huy chương Tuổi trẻ sáng tạo	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh & Bộ KHCN	2008
4	Giải thưởng Quả cầu vàng	Bộ KHCN	2008
5	Bằng khen	Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	2010

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Đạt

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 12 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

--

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015	1	1	1		66	30	96/75/135
2	2016	1	1			37	120	157/50/135
3	2017	2				55	120	175/66/135
3 năm học cuối								
4	2018	1		1			150	150/58/135
5	2019	1		1			180	180/58/135
6	2020	1		2			135	135/83/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☒; Tại nước: Úc; Từ năm 1992 đến năm 1996

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2005

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Đào tạo ở nước ngoài

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Tô Hữu Nguyên	X		X		12/2012 đến 12/2017	Viện Công nghệ thông tin	//
2	Trần Huy Dương	X		X		11/2016 đến 11/2020	Học viện Khoa học và Công nghệ	//
3	Đỗ Minh Nam	X			X	01/2013 đến 01/2016	Trường Đại học khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	//

4	Nguyễn Quang Đại		X	X		12/2012 đến 12/2014	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	2015
5	Phạm Tuấn		X	X		08/2016 đến 08/2018	Học viện Khoa học xã hội	2018
6	Đặng Quốc Bảo		X	X		08/2018 đến 06/2019	Học viện Khoa học xã hội	2019
7	Hà Đức Toàn		X	X		02/2020 đến 06/2020	Học viện Khoa học xã hội	2020
8	Nguyễn Thùy Linh		X	X		01/2020 đến 06/2020	Học viện Khoa học và Công nghệ	2020

9	Phan Văn Tiến		X	X		06/2010 đến 06/2011	Đại học công nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội	2011
10	Nguyễn Tài Tuấn		X	X		06/2011 đến 06/2013	Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội	2013
11	Trịnh Thị Linh		X	X		06/2010 đến 06/2011	Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội	2011
12	Đinh Quang Đạt		X	X		06/2012 đến 06/2013	Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội	2013

13	Trần Mạnh Đông		X	X		06/2012 đến 06/2013	Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội	2013
14	Nguyễn Văn Trãi		X	X		06/2012 đến 06/2013	Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội	2013
15	Bùi Thị Thư		X	X		06/2013 đến 06/2014	Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
16	Trần Bá Hùng		X	X		10/2013 đến 10/2014	Học viện Kỹ thuật quân sự	2014

17	Nguyễn Thanh Liêm		X	X		10/2013 đến 10/2014	Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
----	-------------------	--	---	---	--	---------------------------	---	------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	An ninh không gian mạng	GT	Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2016	4	VC	(Chương 5 và 6)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 1

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Một số kỹ thuật kiểm chứng phần mềm nhúng và ứng dụng	CN	VAST.HTQT.NHATBAN./11-12, cấp Bộ	01/10/2011 đến 30/9/2014	2015
2	Hệ thống đeo tay hỗ trợ đọc sách tiếng Việt dành cho người khiếm thị	CN	VAST01.07/15-16, cấp Bộ	1/1/2015 đến 30/6/2017	2017

Luru ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								

1	On the practical approach for Vietnamese Optical Character Recognition	3	Không	Vietnam – Japan Workshop on Fuzzy Logic (VJFUZZY)			,	1998
2	Evolution of Collaboration-based Methodology	2	Không	Engineering Complex Object-Oriented Systems for Evolution (ECOOSE)			,	2001
3	Toward a practical framework for Vietnamese Natural Language Processing	4	Không	Vietnam – Japan Workshop on Fuzzy Logic (VJFUZZY)			,	2001
4	Collaboration-based Evolvable Software Implementations: Java and Hyper/J vs. C++ - templates composition	2	Có	ACM SIGSOFT Proc. International Workshop on Principles of Software Evolution (IWPSE)			, 29-34	2002

5	Towards a Sound Modular Model Checking of Collaboration-Based Software Designs	2	Có	IEEE Computer Asia-Pacific Software Engineering Conference APSEC			, 88-97	2003
6	Dynamic Behavior and Protocol Models for Incremental Changes among a Set of Collaborative Objects	2	Có	ACM SIGSOFT Proc. International Workshop on Principles of Software Evolution (IWPSE)			, 45-50	2003
7	A Framework for Unanticipated Software Changes	2	Có	Unanticipated Software Evolution (USE) Workshop			, 114-139	2003
8	Open Incremental Model Checking	2	Có	Microsoft Research - Specification and Verification of Component-Based Systems (SAVCBS) Workshop			, 134-137	2004

9	Handling Consistency of Software Evolution in an Efficient Way	2	Có	ACM SIGSOFT Proc. International Workshop on Principles of Software Evolution (IWPSE)			, 121-130	2004
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
10	Specification and Verification of Inter-Component Constraints in CTL	2	Có	Microsoft Research - Specification and Verification of Component-Based Systems (SAVCBS) Workshop			, 48-55	2005
11	Constructing Open Systems via Consistent Components	2	Có	International Colloquium on Theoretical Aspects of Computing (ICTAC), Springer-Verlag LNCS			, 517-531	2005
12	A Formal Approach Facilitating the Evolution of Component-Based Software	2	Có	ACM SIGSOFT Proc. International Workshop on Principles of Software Evolution (IWPSE)			, 49-52	2005

13	An Assumption Regeneration Approach for Component-Based Software Verification	3	Không	Japan-Vietnam Workshop on Software Engineering 2006			, 43-52	2006
14	Future Software Development with Components and Modular Verification	2	Có	Japan-Vietnam Workshop on Software Engineering 2006			, 21-31	2006
15	Modular Verification of Component-Based Embedded Software Designs	2	Có	Embedded Systems Symposium (ESS)			, 63-69	2006
16	Two Critical Conditions for Modular Verification of Variable-Modifying Aspects	2	Có	Asian Workshop on Aspect-Oriented Software Development (AOA)			,	2006
17	An Open Architecture for Static Code-Analyzing Tools	5	Có	Japan-Vietnam Workshop on Software Engineering (JVSE)			,	2007

18	Một kỹ thuật mới trong việc sinh dữ liệu kiểm thử tự động cho xUnit	2	Có	Kỷ yếu hội thảo quốc gia Nghiên cứu Cơ bản và Ứng dụng CNTT (FAIR)			, 100 - 110	2009
19	Văn phạm đặc tả và giải thuật sinh kịch bản kiểm thử	2	Không	Kỷ yếu hội thảo quốc gia Nghiên cứu Cơ bản và Ứng dụng CNTT (FAIR)			, 305 - 314	2011
20	Kiểm chứng hình thức cho hệ thống tương tranh với CSP và PAT	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 15.			, 158 - 164	2012
21	Một tiếp cận mô hình và ngôn ngữ truy vấn dữ liệu các đối tượng chuyển động	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 15			, 273 - 278	2012
22	Novel testing techniques for embedded systems	4	Có	The 6th VAST – AIST Joint Workshop			,	2012
23	Kiểm chứng mô hình cho mã nguồn C#: Một cách tiếp cận mô hình hóa	5	Có	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 16			, 158 - 164	2013

24	Phương pháp phân tích chương trình tính dựa trên đồ thị luồng điều khiển	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 16			, 271 - 276	2013
25	Phân tích hình dạng bộ nhớ heap của chương trình	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 17			, 251- 256	2014
26	Cải tiến chất lượng thông tin vết thực thi của Java PathFinder thông qua phần mở rộng truy vết thực thi	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 17			, 31-37	2014
27	Cách tiếp cận kiểm chứng hình thức cho giao thức bảo mật	3	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 18			, 23 - 26	2015
28	Cơ sở lý thuyết và ứng dụng của phương pháp qui nạp trong đảm bảo giao thức bảo mật thông tin	2	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 18			, 53 - 59	2015

29	Phát hiện lỗ hổng trong giao thức bảo mật sử dụng các phương pháp hình thức	3	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 18			, 256 - 261	2015
30	Model-Based Verification of Embedded Systems from Industrial Perspective	1	Có	The 7th VAST – AIST Joint Workshop			, 159 – 168	2015
31	The Combination of Ast-based and CFG-based Techniques for Program Analysis	4	Không	The 7th VAST – AIST Joint Workshop			, 181 - 192	2015
32	Kiểm chứng chương trình dựa trên sinh điều kiện kiểm chứng và chứng minh định lý	3	Không	Kỷ yếu hội thảo quốc gia Nghiên cứu Cơ bản và Ứng dụng CNTT (FAIR)			, 336 - 343	2015

33	Interaction Analysis of Annotated Specification and Program Codes in Extended Static Checking	2	Có	IEEE Computer Proceedings of Research, Innovation and Vision of Future (RIVF)			, 144 – 151	2015
34	Content-Based Image Retrieval Using Multiple Features and Pareto Approach	4	Không	Journal of Computer Science and Cybernetics			32 , 2, 169 - 188	2016
35	Improving classification engine in content-based image retrieval by multi-poin queries via Pareto approach	4	Không	Journal of Informatics and Mathematical Sciences			10 , 1-2, 93-108	2016
36	AutoBot: A Versatile Platform for Management of Legacy Applications in the Cloud	2	Không	The 7th International Symposium of Information and Communication Technology (SoICT) - ACM			, 403-410	2016

37	Tra cứu ảnh theo nội dung sử dụng tập Pareto và mô hình học thống kê CART	4	Không	Chuyên san các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT&TT			16 , 36, 27-39	2016
38	Tăng cường thuật toán AdaBoost bằng cách sử dụng tập Pareto trong ứng dụng tra cứu ảnh dựa vào nội dung	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 19			, 348 - 354	2016
39	Scyther: Công cụ kiểm chứng và phân tích giao thức bảo mật	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 19			, 326 - 331	2016
40	Process calculus and Horn clauses-based deduction in the verification of security protocols	1	Có	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 19			, 305 - 314	2016

41	Lý thuyết qui trình và ứng dụng trong mô hình hóa giao thức bảo mật	2	Có	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 19			, 198 - 205	2016
42	Các kỹ thuật hình thức trong kiểm chứng cấu hình và chính sách bảo mật thông tin	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia CNTT lần thứ 19			, 43 - 48	2016
43	SMAC và bảo mật thông tin – nền tảng công nghệ thông tin cho các đột phá chiến lược dịch vụ ngân hàng	1	Có	Hội thảo Banking Vietnam 2016			, 105 - 116	2016
44	Phương pháp hình thức dựa trên logic trong phân tích an ninh mạng	3	Không	Kỷ yếu hội thảo quốc gia Nghiên cứu Cơ bản và Ứng dụng CNTT (FAIR)			, 656- 666	2017
45	Big Data Analytics and Its Applications in Credit Scoring	3	Không	International Conference on Big Data for Banking and Financial Industry (BDBF)			,	2017

46	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong du lịch	3	Không	Hội thảo khoa học ứng dụng CNTT trong du lịch – Xu hướng và giải pháp đón đầu trước hội nhập ngành du lịch Việt Nam			, 68 - 74	2017
47	Nghiên cứu công nghệ AR-LBS tích hợp bản đồ giả 2.5D ứng dụng trong du lịch	3	Không	Hội thảo khoa học ứng dụng CNTT trong du lịch – Xu hướng và giải pháp đón đầu trước hội nhập ngành du lịch Việt Nam			, 20 - 30	2017
48	A hand-worn system to assist visually impaired people to read	5	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 20 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 1-5	2017
49	Phân tích dữ liệu viễn thông và mạng xã hội cho bài toán chấm điểm tín dụng ngân hàng	5	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 20 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 219- 225	2017
50	Phân tích lỗ hổng bảo mật Web dựa trên kiểm chứng mô hình	4	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 20 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 219- 225	2017

51	Quét lỗ hổng trong phân tích an ninh mạng	4	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 20 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 297-304	2017
52	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu đặt ra với sự phát triển khoa học - công nghệ của Việt Nam	1	Có	Tạp chí Cộng sản			,	2017
53	Một số công nghệ nền tảng của CMCN 4.0 và yêu cầu đối với công tác đào tạo trong các trường công an nhân dân	1	Có	Kỷ yếu hội thảo khoa học cuộc Cách mạng 4.0 và những vấn đề đặt ra đối với công tác giáo dục đào tạo trong công an nhân dân			, 213-217	2017
54	Công nghệ Blockchain trong vấn đề đảm bảo tính toàn vẹn và minh bạch của dữ liệu	4	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 21 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 59-66	2018

55	Một số kỹ thuật tăng cường hiệu quả của hệ thống nhận đọc thông minh	5	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 21 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 211-215	2018
56	Nghiên cứu phương pháp trừu tượng hóa mô hình trong phân tích lỗi hồng mạng	4	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 21 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 249-255	2018
57	Nghiên cứu về MatLab-Simulink và sinh ca kiểm thử tự động cho các hệ thống nhúng	4	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 21 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 262-267	2018
58	Application of blockchain technology to guarantee the integrity and transparency of documents	4	Không	IJCSNS International Journal of Computer Science and Network Security	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI		18 , 12, 7-15	2018

59	A Robust PCA-SURE Thresholding Deep Neural Network Approach for Mental Task Brain Computer Interface	5	Không	Journal of Informatics and Mathematical Sciences			,	2018
60	Improving classification engine in content-based image retrieval by multi-point queries via Pareto approach	4	Không	Journal of Informatics and Mathematical Sciences			10 , 1, 93-108	2018
61	An algorithm for improving algebraic degree of S-Box coordinate Boolean functions based on affine equivalence transformation	4	Không	Journal of Informatics and Mathematical Sciences			10 , 2, 339-350	2018
62	Blockchain Technology for Data Entirety	4	Không	Science Research			6 , 6, 68-75	2018

63	Mining top-k frequent sequential pattern in item interval extended sequence database	4	Không	Journal of Computer Science and Cybernetics			34 , 3, 262-267	2018
64	Cải thiện dự đoán rủi ro trong cho vay trực tuyến (P2P) sử dụng phương pháp lựa chọn thuộc tính và học sâu	5	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 22 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 46-52	2019
65	Một công cụ đo kiểm giao thức MQTT cho những ứng dụng IoT phục vụ cho việc ra quyết định co dân tài nguyên trên đám mây	3	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 22 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 151-156	2019
66	Phương pháp sinh dữ liệu kiểm thử tự động cho hệ thống nhúng liên tục theo thời gian sử dụng tín hiệu tích hợp	4	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 22 – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT-TT			, 266-271	2019

67	Flexible deployment of component-based distributed applications on the Cloud and beyond	2	Không	KSII Transactions on Internet and Information Systems	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE		13 , 3, 1141-1163	2019
68	Improve Risk Prediction in Online Lending (P2P) Using Feature Selection and Deep Learning	6	Có	IJCSNS International Journal of Computer Science and Network Security	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI		19 , 11, 216-222	2019
69	A Benchmarking Tool for Elastic MQTT Brokers in IoT Applications	3	Không	International Journal of Information and Communication Sciences			4 , 4, 70-78	2019
70	Về một phương pháp mã hóa ứng dụng trong hệ mật dựa trên đường cong Elliptic	4	Không	Tạp chí nghiên cứu KHCN Quân sự			64, 182-187	2019

71	HIGH UTILITY ITEM INTERVAL SEQUENTIAL PATTERN MINING ALGORITHM	4	Không	Journal of Computer Science and Cybernetics			36 , 1, 1-15	2020
72	Process Calculus and Horn Clauses- Based Deduction in the Verification of Security Protocols	2	Có	IJCSNS International Journal of Computer Science and Network Security	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI		20 , 5, 11-17	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà U'V là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 2

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Phương pháp, thiết bị và vật ghi có thể đọc được bằng máy tính để nhận dạng chữ viết in tiếng Việt và tiếng Anh và chuyển thành giọng nói	Cục Sở hữu Trí tuệ	23/09/2019	Tác giả chính	5

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội , ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)